Mã số: 298

Ngày nhận: 02/08/2016

Ngày hoàn thành biên tập: 18/7/2016

Ngày duyệt đăng: 20/8/2016

Lợi ích và chi phí tiềm năng khi Việt Nam gia nhập hiệp định mua sắm công WTO (GPA)

Tóm tắt

Ở Việt Nam, mua sắm công hay còn gọi là mua sắm chính phủ chiếm một tỷ trọng lớn trong GDP (từ 7% năm 2007 tăng lên đến 22% năm 2010 – theo một tài liệu của MUTRAP (2010) con số này có thể lên tới 36%) nhưng đã trở thành một trong những khoản chi tiêu kém hiệu quả nhất trong nền kinh tế gắn liền với thất thoát và tham nhũng[1], từ đó dẫn tới nợ công cao và lạm phát cao. Vì vậy, chi tiêu chính phủ ở Việt Nam bao gồm những khoản mua sắm công được xác định là một lĩnh vực cấp bách cần phải được cải cách. Cải cách chi tiêu chính phủ cũng là một trong ba trụ cột tái cấu trúc nền kinh tế được xác định bởi chính phủ Việt Nam hậu khủng hoảng 2008, trong hoàn cảnh các nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng theo chiều rộng đã đạt đến tới hạn. Với thời đại toàn cầu hóa hiện nay, khi Việt Nam trong những năm gần đây liên tiếp ký kết các hiệp định thương mại tự do với quy mô và mức độ sâu rộng chưa từng có, việc gắn kết chi tiêu công vào những tiêu chuẩn quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do là một công cụ rất hữu ích để thúc đẩy quá trình kể trên. Thực tế, Việt Nam đã hoàn thành đàm phán hiệp định thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA) trong đó có một chương nói về Mua sắm công và đồng thời đang là quan sát viên của Hiệp định mua sắm công của WTO (GPA). Do đó, dưới góc độ kinh tế cũng như chính trị, Việt Nam có một động lực rất lớn để gia nhập hiệp định GPA để thúc đẩy hơn nữa tính hiệu quả của mua sắm công nói riêng và chi tiêu chính phủ nói chung. Tham gia hiệp định GPA không chỉ mang đến lợi ích mà còn có chi phí cho các nước thành viên. Bài viết dưới đây sẽ giới thiệu tổng quan về mua sắm công và hiệp định GPA cũng như hệ thống mua sắm công tại Việt Nam, đồng thời đánh giá việc gia nhập, thực thi các điều khoản của GPA sẽ tác động ra sao tới nền kinh tế Việt Nam

Từ khóa: *Mua sắm công, mua sắm chính phủ, đấu thầu, Hiệp định mua sắm chính phủ (GPA)*

Abstract

In Vietnam, government procurement accounts for considerable proportion of GDP (from 7% in 2007 up to 22% in 2010 – in a report from MUTRAP in 2010 the number could

[1] Đánh giá của OECD trong phần giới thiệu về mua sắm công, xem chi tiết tại http://www.oecd.org/gov/ethics/public-procurement.htm

be 36%) but becomes the most ineffective expenditure in the whole economy embedding waste and corruption, which entails high public debt and high inflation. Therefore, government spending including government procurement has been targeted as an urgent area that needed to be reformed. Reforming government spending is also one of three reconstructive pillars identified by Vietnam's government after being suffered from the impacts of the global financial crisis in 2008 as well as in the context of limited resources for capital based growth model. Under the circumstances, committing to the trade agreements in which government procurement provisions are attached could be a valuable tool to enhance this process. Indeed, Vietnam completed negotiation of Trans Pacific Partnership (TPP) which embodies government procurement provisions and simultaneously an observer of Government Procurement Agreement of the WTO (GPA). Therefore, from economic and political perspective, Vietnam has strong incentives to access to GPA to promote the efficiency of government procurement in particular and government spending in general. Participating GPA, however brings not only benefits but also costs incurred by acceding members. The article will introduce first overall information about government procurement and GPA, then examine how it will impact on Vietnam's economy

Key words: public procurement, government procurement, tendering, government procurement agreement (GPA)

1 Tổng quan về mua sắm công và GPA

1.1 Mua sắm công là gì và vai trò của nó đối với nền kinh tế

Mua sắm công hay mua sắm chính phủ theo giải thích của WTO đó là hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan chính phủ để phục vụ cho hoạt động của cơ quan mình. Nói một cách khác, mua sắm công là tất cả các hoạt động mua sắm hàng hóa và dịch vụ cần thiết để các cơ quan chính phủ thực thi chức năng của mình. Mua sắm công theo định nghĩa trên là hoạt động tạo ra đầu vào cho các cơ quan quản lý hành chính hoặc quan trọng hơn là đầu vào để cơ quan đại diện cho chính phủ sản xuất ra hàng hóa công cộng.

Theo OECD, mua sắm công được hiểu là những mua sắm của chính phủ và các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) đối với hàng hóa, dịch vụ và các công trình. Mua sắm công là một chuỗi các hoạt động bắt đầu từ việc đánh giá nhu cầu đến đấu thầu , quản lý thầu và thanh toán

Việt Nam chưa có định nghĩa về mua sắm công tuy nhiên dựa trên các nguồn định nghĩa khác có thể tổng hợp: Mua sắm công là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đoàn thể, lực lượng vũ trang và DNNN sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ hoặc thực hiện các dự án đầu tư để phục vụ việc thực hiện các chức năng của Nhà nước hoặc thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao.

Có ba nhóm đối tượng trực tiếp liên quan đến một hoạt động mua sắm công bất kỳ: chính phủ, là người trực tiếp quản lý và sử dụng các hoạt động mua sắm hay chính là bên mua trong giao dịch; người dân những người liên quan trực tiếp đến lợi ích của hoạt động mua sắm công cũng là những người gián tiếp tài trợ cho hoạt động này thông qua việc đóng thuế; khu vực tư nhân là đối tượng tham gia vào quá trình mua sắm công hay chính là bên bán trong giao dịch (Stephanus Perturs, 2009, trang 15)

Mua sắm công thuộc về một khái niệm rộng hơn là chi tiêu chính phủ bao gồm toàn bộ các khoản chi tiêu của chính phủ, là một thành phần quan trọng trong GDP (các khoản chi của chính phủ có thể bao gồm rộng hơn mua sắm công đó là trợ cấp, chi trả nợ…). Khi chính phủ mua sắm hàng hóa dịch vụ, mục tiêu của các giao dịch này có thể nói không đơn thuần chỉ là tạo đầu vào cho các cơ quan chính phủ mà còn được sử dụng để giải quyết các vấn đề khác như hỗ trợ doanh nghiệp trong nước hoặc các nhóm cộng đồng kém phát triển. Do đó, lịch sử của mua sắm công không thể tác rời khỏi mối liên hệ với chính sách phát triển của quốc gia kể từ thời kỳ phục hưng tới thiết chế Nhà nước hiện đại của thế kỷ 21 (Stephanus Pertrus, 2009, trang 1).

Mục tiêu của một hệ thống mua sắm công của một quốc gia có thể chia làm mục tiêu sơ cấp và thứ cấp. Mục tiêu sơ cấp đương nhiên là đảm bảo hệ thống quản lý tài chính công hoạt động tốt, sử dụng hiệu quả ngân quỹ công cộng. Mục tiêu thứ cấp đó là từ hoạt động mua sắm công tạo ra lợi ích kinh tế xã hội. Nói cách khác, hệ thống mua sắm công sẽ chuyển giúp chuyển hóa ngân sách sang các dịch vụ/hàng hóa mà chính phủ cung cấp cho người dân một cách hiệu quả. Hệ thống mua sắm công tốt là trọng tâm để tạo ra chi tiêu chính phủ tốt, là một thành phần quan trọng trong chiến lược cải thiện điều kiện sống cho người dân, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển.

1.2 Lịch sử hình thành, phát triển và nội dung chính của GPA

1.2.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Truy ngược lại lịch sử của đề xuất đầu tiên liên quan đến những cam kết quốc tế về mua sắm công, đàm phán cho Hiến chương Havana (tiền thân của WTO) vào năm 1947 đã cho thấy nỗ lực to lớn trong việc hình thành một tổ chức thương mại quốc tế trong đó mua sắm chính phủ được kỳ vọng là một lĩnh vực mà tổ chức này điều tiết. Điều 29.1(a) phần D, chương IV trong Hiến chương Havana dành riêng cho các công ty thương mại Nhà nước, quy định rằng " Dù các nước thành viên thành lập hay duy trì một công ty thương mại ở bất cứ nơi đâu và cho nó một cách trực tiếp hay gián tiếp những đặc quyền nào đó thì những công ty này cũng phải hành xử phù hợp với những nguyên tắc chung về không phân biệt đối xử đã được quy định trong chương này". Cuối cùng, hiến chương Havana đã không được ký kết bởi vì nó không được Quốc hội Mỹ thông qua. Cho dù mua sắm công có ý nghĩa kinh tế rất quan trọng, nhưng những quy định liên quan đến mua sắm công hay mua sắm chính phủ thường bị lờ đi khỏi phạm vi điều chỉnh của các quy định về tiếp cận thị trường trong các hiệp định thương mại tự do kể cả đối với hàng hóa (Điều 3 khoản 8 (a) và điều 17 khoản 2 trong GATT 1947) và dịch vụ (Điều 13 khoản 1 của GATS) (UNCTAD, 2003, trang 3)

Sau khi thất bại trong việc đưa các quy định liên quan đến mua sắm công vào GATT 1947, vấn đề về mua sắm công vẫn thường xuyên bị bỏ qua trong các vòng đàm phán tiếp theo của WTO (từ Geneva đến Tokyo) cho đến khi vòng đám phán Uruguay được hình thành thì Hiệp định mua sắm về chính phủ mới được ký ở Marrakesh tại Hội nghị các bộ trưởng năm 1994. Không giống như các hiệp định phổ biến khác của WTO như GATT, GATS… khi các nước bắt buộc phải thông qua các hiệp định trên nếu muốn là thành viên của WTO, GPA là một hiệp định nằm ngoài gói cam kết gia nhập, nghĩa là các thành viên có thể lựa chọn tham gia GPA hoặc không khi đàm phán gia nhập WTO. Nói một cách khác GPA là một hiệp định có tính chất tự nguyện. Hiện nay GPA bao gồm có 19 thành viên trong đó EU và 28 nước thành viên của EU được coi là một

thực thể. Có 5 nước Châu á là thành viên của GPA; đó là Nhật Bản, Hàn Quốc, Xinh-ga-po, Hồng Kông và Đài Loan. Ngoài ra, 28 thành viên khác của WTO và 4 tổ chức quốc tế là quan sát viên của hiệp định này; trong số đó có cả Việt Nam. Hiệp định GPA có hiệu lực từ năm 1996 (phiên bản mới nhất của GPA có hiệu lực từ ngày 6/4/2014[2]). Nó bao trùm một phạm vi rộng lớn, vượt qua ngoài hoạt động mua sắm của chính quyền trung ương về hàng hóa mà còn bao trùm cả mua sắm dịch vụ, các công trình công cộng và phúc lợi – cùng với đó là hoạt động mua sắm của chính quyền địa phương cũng bị điều tiết.

Phạm vi áp dụng GPA của từng thành viên được xác định trong bản lộ trình cam kết của mỗi quốc gia khi gia nhập liên quan đến cơ quan mua sắm công và loại hàng hóa/dịch vụ mua sắm công bị điều tiết và bản lộ trình này được đi kèm với Hiệp định GPA được ký kết. Các quy định trong GPA sẽ được áp dụng cho những hợp đồng mua sắm công nằm trên ngưỡng giá trị nhất định, với mua sắm của chính quyền trung ương cho hàng hóa và dịch vụ thì ngưỡng này thường lớn hơn 130.000 SDR vào khoảng 176.000 USD vào năm 1996 và khoảng 180.555 USD vào thời điểm hiện nay. Ngưỡng được áp dụng cho chính quyền địa phương cao hơn thường là khoảng 200.000 SDRs, dịch vụ công ích khoảng 400.000 SDR, và công trình xây dựng khoảng 5 triệu SDR

1.2.2 Nội dung chính của GPA

Trong phiên bản mới nhất của GPA bắt đầu có hiệu lực từ 4/2014, GPA bao gồm có 22 điều và một phụ lục. Các điều khoản quan trọng trong đó bao gồm:

- Điều 2 khoản 6: xác định giá của gói thầu (một khoản mua sắm công) trong đó quy định rõ chủ đầu tư không được lựa chọn cách thức xác định giá gói thầu hoặc không được chia nhỏ gói thầu, để nhằm mục đích tránh áp dụng Hiệp định này. Bên cạnh đó, xác định giá trị gói thầu cần tính toán tất cả các khoản phải trả, bao gồm tất cả các khoản như phí bảo hiểm, lệ phí, hoa hồng, và tiền lãi. Điều này giúp cho việc tính toán giá trị gói thầu được công khai, minh bạch; từ đó xác định gói thầu hay khoản mua sắm công này có bị điều chỉnh bởi GPA hay không

- Điều 3: Các trường hợp ngoại lệ. Tất cả những quy định của GPA có thể không được thực hiện trong trường hợp gói thầu liên quan đến an ninh quốc gia, cũng như việc mua sắm vũ khí, đạn dược, các vật tư chiến tranh khác hoặc trong việc mua sắm khác phục vụ an ninh quốc gia và mục tiêu quốc phòng hay liên quan đến các vấn đề xã hội khác như bảo vệ hình ảnh của cộng đồng; trật tự, an toàn cho cuộc sống, sức khoẻ và trí tuệ của con người, động thực vật; bảo vệ các vấn đề liên quan đến dịch vụ dành cho người khuyết tật, tổ chức từ thiện hoặc việc lao động trong các trại giam.

- Điều 4 khoản 1 và khoản 2: Không phân biệt đối xử. Điều khoản này tương đương với quy tắc đối xử quốc gia và tối huệ quốc ở trong các hiệp định khác của GPA, trong đó quy định mỗi nước thành viên sẽ đối xử, ngay lập tức và vô điều kiện cho hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của các nước thành viên khác cung cấp hàng hóa, dịch vụ của các

[2] Xem nội dung chi tiết bản GPA được sửa đổi bổ sung năm 1994 tại https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/rev-gpr-94_01_e.htm

nước này, không kém thuận lợi hơn so với hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu trong nước; và hàng hóa, dịch vụ và nhà thầu của bất kỳ nước thành viên nào khác

- Điều 5: Đối xử ưu đãi cho các nước đang phát triển. Điều này quy định về các biện pháp tạm thời mà các nước đang phát triển có thể sử dụng và sẽ không bị coi là vi phạm GPA. Thời gian thực hiện các biện pháp tạm thời này sẽ không quá ba năm với các nước đang phát triển và không quá năm năm với các nước kém phát triển

- Điều 9 khoản 4: Đấu thầu hạn chế (selective tendering). Điều này quy định về cách thức công bố thông tin của hình thức chỉ định thầu trong đó nêu rõ trong thông báo thầu phải nói rõ tiêu chuẩn của các nhà thầu để có thể tham gia gói thầu, và nếu các nhà thầu đáp ứng đủ tiêu chuẩn được nêu ra thì chủ đầu tư không có quyền từ chối trừ khi nói rõ hạn chế về mặt số lượng nhà thầu trong thông báo thầu.

- Điều 13: Chỉ định thầu (limited tendering). Điều này quy định chi tiết điều kiện để nhà thầu được phép tiến hành đấu thầu bằng hình thức chỉ định thức. Với hình thức chỉ định thầu thì những quy định về đấu thầu rộng rãi từ điều 7 đến điều 12 và điều 14,15 của GPA có thể được nhà thầu bỏ qua

- Điều 16: Tính minh bạch của thông tin đấu thầu. Điều này đảm bảo cho sự hạn chế hay đối xử không công bằng của chủ đầu tư đối với các nhà thầu không phải thuộc nước thành viên của hiệp định ở mức thấp nhất. Tính minh bạch sẽ được đảm bảo bằng cách nêu rõ tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện đấu thầu trong thông báo mời thầu; sẵn sàng đảm bảo rằng các quy định về đấu thầu không thường xuyên thay đổi trong quá trình đấu thầu và, trong những trường hợp thay đổi là không tránh khỏi, phải đảm bảo có những cách xử lý thỏa đáng

- Điều 17: Các thủ tục khiếu nại. Điều này quy định nhà thầu có quyền tham vấn, khiếu nại đối với bên mời thầu và trong trường hợp đó chủ đầu tư có trách nhiệm xem xét một cách thích đáng, toàn bộ và kịp thời đối với từng cáo buộc mà không có thành kiến nhằm có được cách xử lý đúng đắn theo hệ thống khiếu nại. Ngoài ra, bên mời thầu cần phải đưa ra những thủ tục không phân biệt đối xử, kịp thời, minh bạch và hiệu quả cho phép các nhà thầu khiếu nại những vi phạm Hiệp định phát sinh trong đấu thầu mà họ đang có hoặc đã có lợi ích bị xâm phạm

Phụ lục bao gồm có 5 phần quy định những đối tượng mà quốc gia cam kết sẽ bị điều chỉnh bởi quy định của hiệp định

- Phần 1 bao gồm các cơ quan trung ương
- Phần 2 bao gồm các cơ quan ở địa phương
- Phần 3 bao gồm các cơ quan khác
- Phần 4 bao gồm các loại hình dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định, liệt kê theo cách thức chọn cho hay chọn bỏ
- Phần 5 bao gồm dịch vụ xây lắp

2 Lợi ích và chi phí tiềm năng khi Việt Nam gia nhập GPA

2.1 Tổng quan về hệ thống mua sắm công ở Việt Nam

Có ba nhóm luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam về mua sắm công. Nhóm đầu tiên bao gồm i) Luật đấu thầu 2013– gọi là luật gốc ii) các nghị định và thông tư của Chính phủ và Bộ liên quan hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu – gọi là luật phái sinh. Nhóm thứ hai bao gồm: các luật và nghị định chủ yếu liên quan đến đầu tư công, phòng chống tham nhũng và thực hiện tiết kiệm, hai hành vi có liên quan trực tiếp đến mua sắm công/đấu thầu. Nhóm thứ ba liên quan đến các cam kết quốc tế của Việt Nam trong việc chống tham nhũng và thực thi minh bạch (hiện tại TPP và EVFTA vẫn chưa có hiệu lực).

(1) Trong nhóm một, Luật đấu thầu 2013 đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Luật đấu thầu đầu tiên là một trong nhiều luật được ban hành bởi Quốc hội Việt Nam năm 2005 để hiện đại hóa hệ thống pháp luật theo những tiêu chuẩn quốc tế để chuẩn bị cho việc gia nhập WTO vào đầu năm 2007. Tiền thân của Luật đấu thầu 2005 là Nghị định 43 và 93 của Chính phủ ban hành năm 1996 và sau đó được thay thế bởi Nghị định 88 năm 1999. Luật đấu thầu được tiếp đổi bổ sung sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới vào năm 2009. Và gần đây nhất Luật đấu thầu mới được Quốc hội thông qua vào năm 2013 và có hiệu lực bắt đầu kể từ 1/7/2014. Để làm rõ hơn Luật đấu thầu, Chính phủ cũng ban hành Nghị định số 63/2014 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Nghị định số 30/2015 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch đầu tư (MPI) là cơ quan được chính phủ giao chủ trì việc quản lý hệ thống đấu thầu/mua sắm công trên toàn quốc cũng ra một số thông tư nhằm hướng dẫn cụ thể việc thực thi luật đấu thầu như Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT, thông tư số 2,3,7/2016/TT-BKHĐT. Đặc biệt thời gian gần đây Bộ đã tham mưu cho Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016 – 2025, trong đó tầm nhìn đến năm 2025 100% các thông tin trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng được đăng tải công khai trên Hệ thống đấu thầu quốc gia; tối thiểu 70% số lượng gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu thực hiện trên Hệ thống đấu thầu quốc gia

(2) Hỗ trợ cho luật đấu thầu và các nghị định giải thích liên quan, là những luật có tính bao trùm hơn như:

- Luật về ban hành văn bản quy phạm phát luật (2008) yêu cầu phải có thông báo và khoảng thời gian để góp ý trước khi dự luật được ban hành chính thức
- Luật đầu tư công (2013) quy định việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quản lý nhà nước về đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công
- Luật về phòng chống tham nhũng (2005) quy định về phòng ngừa, phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phòng, chống tham nhũng
- Nghị định 47/2007 của chính phủ về việc thực hiện luật chống tham nhũng trong đó quy định vai trò và trách nhiệm của các tổ chức dân sự trong việc đấu tranh chống tham nhũng
- Nghị định 37/2007 về Minh bạch trong tài sản và thu nhập, yêu cầu các cán bộ chính phủ nhất định nộp báo cáo về tài sản và thu nhập của mình với mức độ bảo mật nhất định

- Luật về khiếu nại tố cáo (2011) quy định về quy trình thủ tục khi cá nhân tổ chức muốn khiếu nại, tố cáo một quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân tổ chức khiếu nại, tố cáo

- Luật tiếp công dân (2013) quy định về trách nhiệm tiếp công dân đến khiếu nại tố cáo của các cơ quan Nhà nước đồng thời cũng quy định quyền và nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Luật Ngân sách Nhà nước (2015) quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.

Ngoài những luật trên hướng về vấn đề minh bạch và tham nhũng, còn có những luật chuyên ngành khác liên quan đến mua sắm công. Ví dụ, Luật về đầu tư xây dựng cơ bản cho phép phi tập trung hóa mua sắm công cũng như làm rõ trách nhiệm của những người có thẩm quyền, chủ đầu tư và cơ quan mua sắm (Điều 4 khoản 8,9,10) Luật dầu khí năm 1993 được sửa đổi bổ sung năm 2002 cũng có chương liên quan đến mua sắm công của các DNNN trong lĩnh vực năng lượng (Điều 23). Bằng việc đưa vào quy định của mình những điều khoản liên quan đến mua sắm công, những luật này ở một mức nhất định gây nên chồng lấn với các luật về mua sắm công hiện hành gây ra những bối rối nhất định khi áp dụng luật cho các chính quyền địa phương. Đây cũng là một đặc điểm cố hữu của hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và luật về mua sắm công nói riêng. Trước khi Luật đấu thầu 2013 có hiệu lực thì có rất nhiều văn bản chồng chéo thiếu thống nhất với nhau trong lĩnh vực này ví dụ để lựa chọn nhà thầu cơ quan đấu thầu có thể căn cứ vào Luật đấu thầu, Luật xây dựng, Luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

(3) Nhóm thứ ba bao gồm các cam kết quốc tế của Việt Nam theo các hiệp định đa biên. Những cam kết này đến từ những nỗ lực của Việt Nam trong việc đấu tranh chống tham nhũng (Hiệp ước LHQ về chống tham nhũng, Tiêu chuẩn minh bạch của APEC liên quan đến mua sắm Chính phủ) và thực hiện yêu cầu của các nhà tài trợ (Tuyên bố Paris về tính hiệu quả của viện trợ, hướng dẫn của WB về hoạt động đấu thầu mua sắm hàng hóa dịch vụ trừ dịch vụ tư vấn ở những dự án sử dụng vốn do WB tài trợ).

Trong ba nhóm này, nhóm thứ hai và thứ ba hỗ trợ cho nhóm đầu tiên, nhóm trực tiếp quy định về các hoạt động mua sắm công. Khía cạnh hỗ trợ nhiều nhất của nhóm hai và nhóm ba là tính minh bạch, gián tiếp ngăn ngừa tham nhũng trong mua sắm công. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh nhóm hai tương đối rộng không chỉ tập trung vào mua sắm công, còn nhóm ba thì cam kết thực hiện tương đối yếu. Vì thế mà các nhóm này chưa tạo ra sự hỗ trợ lớn cho nhóm một. Trong tương lai khi TPP có hiệu lực và Việt Nam gia nhập GPA thì mức độ cam kết của nhóm ba sẽ trở nên mạnh hơn, từ đó nhóm ba không chỉ mang tính hỗ trợ nữa mà còn tác động trực tiếp lên nhóm một hoặc độc lập điều tiết trực tiếp hoạt động mua sắm công trong nước.

Nhìn chung, dù ở cấp độ nào các điều khoản liên quan đến mua sắm công trong các văn bản pháp lý hướng tới những mục tiêu chung sau đây

i) cung cấp đối xử bình đẳng và công bằng đối với mọi nhà cung cấp và nhà thấu để đảm bảo không có sự phân biệt đối xử giữa nhà thầu trong nước và nước ngoài hay giữa các nhà thầu nước ngoài với nhau

ii) đạt được tính minh bạch trong các quy trình liên quan đến mua sắm công (đấu thầu)

iii) tính tin cậy của hệ thống giải quyết tranh chấp để đấu tranh chống tham nhũng

Trong một báo cáo đánh giá về hệ thống mua sắm công Việt Nam năm 2008, WB đã xác định 6 thiếu sót trong hệ thống mua sắm công của Việt Nam. Danh sách này bao gồm *i) thiếu luật cơ bản về mua sắm công (đấu thầu) và các văn bản về tiêu chuẩn mua sắm công ii) thông báo đấu thầu không đầy đủ iii) thiếu sự tiếp cận của cộng đồng đối với quy tắc đấu thầu iv) thiếu cơ chế rõ ràng để giải quyết các tranh chấp trong đấu thầu v) thiếu hướng dẫn cụ thể để thực thi pháp luật về mua sắm công như phương pháp đánh giá thầu và ưu tiên doanh nghiệp trong nước vi) thiếu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và các cơ quan chuyên về đấu thầu.* Tuy nhiên với đánh giá mới nhất gần đây của WB về hệ thống đấu thầu/mua sắm công tại Việt Nam[3], có thể thấy 5 trụ cột được đánh giá đều cho kết quả khả quan. Trong 5 trụ cột này, có đến 3 trụ cột (chuẩn bị thầu, lựa chọn thầu và thực hiện thầu, mức độ sẵn sàng của cơ chế khiếu nại báo cáo) được đánh giá là tốt, 1 trụ cột được đánh giá là rất tốt (nộp thầu và thực hiện thầu) còn 1 trụ cột (quá trình xem xét/xử lý khiếu nại) được đánh giá là khá, thấp nhất trong 5 trụ cột. Điều này cũng không có gì là ngạc nhiên khi quy trình giải quyết khiếu nại tố cáo trong đấu thầu luôn là một vấn đề nhức nhối của hệ thống mua sắm công Việt Nam do vẫn bị lợi ích nhóm chi phối tương đối nhiều.

2.2 Lợi ích và chi phí tiềm năng của GPA đối với nền kinh tế

Đã có rất nhiều những nghiên cứu nói về lợi ích và chi phí tiềm năng đối với một quốc gia khi tham gia vào GPA. Một trong những nghiên cứu tiêu biểu mang tính tổng quát đó nghiên cứu của Robert D.Anderson và các đồng nghiệp (2011a). Nghiên cứu đã chỉ ra những lợi ích mà quốc gia có thể có đó là: *i) Tiếp cận thị trường xuất khẩu ii) Thúc đẩy hiệu quả của hệ thống mua sắm quốc gia iii) Lợi thế đàm phán đối với những nước gia nhập GPA sau và khả năng tác động vào tiến trình phát triển của GPA*; bên cạn đó những chi phí tiềm năng đối với quốc gia khi gia nhập GPA đó là *i) chi phí đàm phán ii) chi phí thay đổi hệ thống thể chế cần thiết để phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế iii) tác động đến ngành công nghiệp/người lao động địa phương*

Việt Nam chắc chắn sẽ trải qua những lợi ích và chi phí tương tự khi đàm phán và tham gia vào GPA. Phần tiếp theo của bài viết sẽ phân tích cụ thể những lợi ích, chi phí này dựa trên thực trạng hệ thống mua sắm công của Việt Nam

2.2.1 Lợi ích tiềm năng

+) Tiếp cận thị trường xuất khẩu nước ngoài

Thành viên WTO có thể tiếp cận thị trường nước ngoài theo hai nguyên tắc chính đó là tối huệ quốc (MFN) và đối xử quốc gia (NT) cũng như lộ trình cắt giảm thuế của mỗi quốc gia. Đối với các hàng rào phi thuế quan, các quy định liên quan được tiêu chuẩn hóa và làm rõ bởi các hiệp định liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật như SPS và

---

[3] WB đưa ra hệ thống gồm 2 tiêu chí lớn bao gồm 5 trụ cột đó là tiêu chí về quy trình đấu thầu (gồm trụ cột chuẩn bị thầu, nộp thầu và đánh giá thầu, lựa chọn thầu và thực hiện thầu) và cơ chế giải quyết khiếu nại báo cáo (gồm mức độ sẵn sàng của cơ chế khiếu nại và báo cáo; quá trình xem xét/xử lý khiếu nại). Mức độ đánh giá bao gồm tệ, trung bình, khá, tốt, rất tốt. Chi tiết đánh giá đối với Việt Nam xem tại http://bpp.worldbank.org/data/exploreeconomies/vietnam/2016#bpp_plc

TBT. Tuy nhiên, những quy tắc trên đều bị loại trừ khỏi mua sắm chính phủ. Cụ thể Điều 3 khoản 8 trong GATT và Điều 13 khoản 1 trong GATS đều loại bỏ mua sắm công ra khỏi các nguyên tắc NT và MFN.

Vì thế, nhu cầu phải mở rộng thị trường mua sắm công khi thị trường này trải qua tăng trưởng mạnh mẽ trong khoảng 20 năm trở lại đây trong đó có rất nhiều hàng hóa mà các thành viên của WTO có lợi thế đang trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Chắc chắn, GPA và các hiệp định thương mại thế hệ mới như TPP, RCEP, những hiệp định có chương về mua sắm chính phủ chính là chìa khóa để mở các thị trường này. Trong 47 nước là thành viên hoặc đang đàm phán gia nhập GPA, có những quốc gia vùng lãnh thổ là đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc hay Ấn Độ trong tương lai. Tổng giá trị thị trường mua sắm công của tất cả các nước thành viên GPA ước khoảng 6.83 nghìn tỷ USD (Anderson, 2011a).

Bảng 1 dưới đây ước tính giá trị thị trường mua sắm công được mở cửa cho hàng hóa của Việt Nam nếu Việt Nam là một thành viên của GPA. Ước tính sử dụng phương pháp của Anderson và các đồng nghiệp (2011a) trong báo cáo ERSD-2011-15 của Phòng Thống kê và phân tích kinh tế của WTO

Bảng 1 Thị trường mua sắm công nước ngoài tiềm năng đối với xuất khẩu Việt Nam

Đơn vị: triệu USD

		GDP (2015)	Giá trị thị trường mua sắm công	Giá trị thị trường mua sắm công bị điều tiết bởi GPA(thấp nhất)	Giá trị thị trường mua sắm công bị điều tiết bởi GPA (cao nhất)	Giá trị thị trường dành cho Việt Nam (cao nhất)	Giá trị thị trường dành cho Việt Nam (thấp nhất)
1	Trung Quốc	10.866.444	1.629.966,60	271.661,10	695.452,42	1.045,96	61,29
2	Mỹ	17.946.996	3.589,399,20	448.674,90	1.148.607,74	1.780,34	139,09
3	Nhật Bản	4.123.258	824.651,52	103.081,44	263.888,49	897,749	70,14
4	Hàn Quốc	1.377.873	275.574,62	34.446,83	88.183,88	480,25	37,52
5	EU	18.500.000	3.700.000	462.500,00	1.184.000,00	7.672,32	599,40
6	Canada	1.550.537	310.107,30	38.763,41	99.234,34	134,16	10,48
7	Xinh-ga-po	292.739	43.910,90	7.318,48	18.735,32	224,22	13,14
8	Thụy						

	Sĩ	664.738	132.947,51	16.618,44	42.543,20	21,74	1,70
9	Hong Kong	309.929	46.489,32	7.748,22	19.835,44	354,90	20,79
10	Australia	1.339.539	267.907,81	33.488,48	85.730,50	308,97	24,14

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của WB (về GDP) và ITC (về thương mại)

Ghi chú: 10 quốc gia được lấy trong bảng cũng là 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, trong đó 9 quốc gia đã là thành viên của GPA còn Trung Quốc đã tham gia đàm phán vào GPA từ năm 2007, hiện quá trình đàm phán được cho rằng sẽ sớm kết thúc trước năm 2018.

Tổng giá trị thị trường mua sắm công nước ngoài mà hàng xuất khẩu Việt Nam có thể đạt đến từ 10 quốc gia kể trên dao động từ gần 5 tỷ USD đến gần 13 tỷ USD. Và nếu tính toàn bộ cho các quốc gia thành viên khác của GPA thì con số này cao nhất có thể lên tới 15 tỷ USD. 15 tỷ USD là một con số khiêm tốn khi so với xuất khẩu hàng năm của Việt Nam nhưng lượng việc làm mà nó tạo ra cũng như lượng ngoại tệ mà nó bù đắp cho thâm hụt tài khoản thương mại quốc gia cũng là những đóng góp đáng kể cho nền kinh tế

Tuy nhiên nhìn lại những đối tác GPA lớn của Việt Nam nhận thấy đây đều là những nước có yêu cầu cao về hàng hóa và dịch vụ. Sử dụng công cụ Procurement Map của ITC[4] để có cái nhìn tổng quan về những yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đến mua sắm công của khu vực Châu Âu (EU), và Bắc Mỹ (North America), nhận thấy hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam có thể phải đối mặt với ít nhất 69 tiêu chuẩn ở Châu Âu và 62 tiêu chuẩn ở Bắc Mỹ. Trong số này có những tiêu chuẩn rất cao của 4C Association về cà phê, ICTI Care process về điều kiện của người lao động, UTZ về các sản phẩm nông nghiệp và OEKO-TEX về dệt may. Do đó để Việt Nam tận dụng thị trường mua sắm công kể trên cũng không phải là điều đơn giản

+) Cải thiện quản lý Nhà nước về mua sắm công

Một trong những vấn đề mà GPA và các điều khoản mua sắm công khác giải quyết đó là đảm bảo tính hiệu quả của mua sắm công vì đây là hoạt động sử dụng ngân sách công thường xuyên để mua hàng hóa công cộng. Các cá nhân tham gia vào quá trình mua sắm công có động cơ yếu để tạo ra tính hiệu quả cho hệ thống do quá trình mua sắm công thường bị thao túng bởi các nhóm lợi ích, dẫn tới lãng phí và tham nhũng. Ngược lại, đối với việc mua sắm của các công ty cá nhân, nguồn lực tài chính được sử dụng bởi chính các chủ thể sở hữu, vì thế họ sẽ cân nhắc rất nhiều việc phân bổ nguồn lực hiệu quả; các công ty cung cấp cũng cạnh tranh với nhau về chất lượng hàng hóa và dịch vụ. Do đó, quản trị chính phủ tốt được đánh giá cao trong GPA và các quy định về mua sắm công khác

Ở Việt Nam, quản trị tốt hệ thống mua sắm công là một đòi hỏi cấp thiết hơn bao giờ hết. Chỉ số ICOR đo lường mức độ hiệu quả khi sử dụng vốn nói chung trong nền kinh tế. Chỉ số ICOR cao cho thấy việc sử dụng vốn kém hiệu quả, ngược lại chỉ số ICOR thấp cho thấy việc sử dụng vốn hiệu quả. Nhìn vào bảng 2 chúng ta có thể thấy, khu vực kinh tế Nhà nước có hiệu quả chi tiêu,đầu tư thấp nhất trong cả 3 khu vực. Điều đáng ngạc nhiên là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài lại có hiệu quả kinh tế kém hơn khu vực

[4] Công cụ procurement map của ITC có thể sử dụng tại http://www.standardsmap.org/

kinh tế tư nhân ngoài Nhà nước. Do đó, khi thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về mua sắm công để đạt đến mục tiêu minh bạch, kỳ vọng của chính phủ đó là sẽ làm giảm ICOR, từ đó tiết kiệm nguồn lực tài chính để đầu tư cho phát triển và giảm rủi ro về nợ công tăng cao. Ngoài ra, việc cải cách hệ thống mua sắm công cũng là một phần trong gói cải cách thể chế, từ đó cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Và trong tương lai, có thể góp phần nào đó tiếp tục thu hút FDI cho quốc gia giải quyết cả vấn đề số lượng và chất lượng của vốn đầu tư trong nền kinh tế

Bảng 2 Hệ số ICOR theo khu vực kinh tế giai đoạn 2011 - 2014

	Kinh tế Nhà nước	Kinh tế ngoài Nhà nước	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Tổng thể
2011	8,4	3,5	7,2	5,32
2012	6,8	4,9	6,9	5,92
2013	7,9	4,4	5,1	5,6
2014	7,4	4,7	7,2	5,22
2011-2014	7,6	4,4	6,6	5,52

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê

Một điểm được kỳ vọng sẽ được khắc phục nữa, đó là hệ thống quản lý cồng kềnh. Đặc điểm này liên quan mật thiết đến tệ quan liêu, cửa quyền, là di sản trong thời kỳ đầu phát triển của nền kinh tế, trực tiếp cản trở quá trình cải cách hành chính nói chung của Việt Nam trong đó có hệ thống mua sắm công. Kết quả là, trong bảng xếp hạng về nhận thức tham những thời kỳ 2008-2015, Việt Nam luôn nằm ở nửa cuối bảng xếp hạng (xem bảng 3). Lý do gây nên những vấn đề trên có thể quy một phần vào hệ thống luật lệ không rõ ràng và chồng lấn nhau. Bằng việc thực thi quản trị tốt, sự chồng lấn và khó hiểu sẽ dần dần được loại bỏ. Hơn nữa, các tiêu chuẩn quốc tế trong mua sắm công không chỉ áp dụng cho chính quyền trung ương mà còn cho chính quyền địa phương, do đó các tiêu chuẩn này sẽ giúp Chính phủ Việt Nam đồng bộ và thống nhất chính sách trong mua sắm công theo chiều dọc giữa trung ương và địa phương và theo chiều ngang giữa các cơ quan cùng cấp. Điều này chắc chắn sẽ giúp tránh các vấn đề về chồng lấn và cồng kềnh trong việc quản lý các văn bản pháp lý liên quan đến nợ công.

Bảng 3 Chỉ số nhận thức tham nhũng của Việt Nam giai đoạn 2008-2015

	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Điểm	27	27	27	29	31	31	31	31
Xếp hạng	121/180	120/180	116/178	112/182	123/174	116/177	119/175	112/167

Nguồn: Báo cáo về CPI lấy từ tổ chức Minh bạch Quốc tế, chi tiết xem tại http://archive.transparency.org/

Cuối cùng là vấn đề liên quan đến lợi ích nhóm. Các hợp đồng béo bở dựa trên quan hệ với các quan chức chính phủ sẽ khó kiếm hơn trước khi các quy trình đấu thầu đều diễn ra công khai minh bạch; cơ chế xử lý khiếu nại cũng trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn dưới các cam kết quốc tế. Thực tế là 100% hoạt động đấu thầu của các cơ quan chính phủ ở Việt Nam sẽ phải được thực hiện trực tuyến kể từ năm 2025.

+) Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước

Tham gia vào GPA và các điều khoản mua sắm chính phủ khác không phải là con đường một chiều khi Việt Nam chỉ việc khai phá thị trường mua sắm công của các nước đối tác, mà cùng lúc Việt Nam cũng phải mở cửa thị trường của mình với những quy tắc tương tự. Trị giá thị trường mua sắm công của Việt Nam khoảng từ 12,19 đến 16,254 tỷ USD (R.D.Anderson, 2011a) trong đó phần lớn là nhập khẩu. Các hãng nước ngoài đương nhiên nhìn thấy cơ hội từ thị trường Việt Nam, do đó cạnh tranh giữa hãng nước ngoài và hãng trong nước ở thị trường này sẽ tăng cao trong thời gian sắp tới. Cũng cần phải chú ý rằng cạnh tranh cao là tốt đối với nền kinh tế Việt Nam có đặc điểm là ưu thế thuộc về các DNNN lớn kém hiệu quả. Họ sở hữu 70% tài sản cố định, 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, 50% đầu tư của Nhà nước, 60% tín dụng ngân hàng và 70% vốn ODA; tuy nhiên chỉ tạo ra những kết quả kinh tế không đáng mong đợi (Vũ Văn Phúc, 2012, trang 161). Với tình hình doanh nghiệp nói chung thì phần lớn doanh nghiệp Việt Nam sử dụng công nghệ lạc hậu hai đến ba thế hệ so với các đối thủ nước ngoài; trong đó 76% máy móc được sản xuất trong giai đoạn 1950 – 1960, 75% máy móc đã khấu hao hết, 50% được làm mới nhiều lần để kéo dài vòng đời (Vũ Văn Phúc, 2012, trang 123). Tỷ lệ ứng dụng khoa học công nghệ cao là rất thấp từ 0.2 đến 0.3% trong tổng doanh thu. Sức ép cạnh tranh lớn, kết quả của quá trình tự do hóa thị trường sẽ loại bỏ những doanh nghiệp yếu kém và củng cố năng lực cạnh tranh của phần còn lại, từ đó dẫn tới lợi tức đầu tư cao. Kết quả là sẽ thu hút thêm được nhiều vốn đầu tư hơn từ khu vực tư nhân và thúc đẩy hiệu quả sử dụng vốn của nhà đầu tư.

2.2.2 Chi phí tiềm năng

+) Chi phí cải cách hệ thống pháp luật hiện tại

Cải cách pháp luật mua sắm công nói chung và hệ thống đấu thầu quốc gia nói riêng để theo sát các tiêu chuẩn quốc tế về mua sắm công đòi hỏi quốc gia cải cách một chi phí nhất định. Chi phí này bao gồm chi phí nghiên cứu luật pháp quốc tế về mua sắm công và các kinh nghiệm của chính phủ các nước khác khi tiến hành hoạt động mua sắm công cũng như thay đổi hệ thống luật pháp trong nước liên quan đến mua sắm công như thay đổi về đào tạo nhân sự, thiết lập cơ quan mới. Ở Việt Nam, trước kia có rất nhiều cơ quan quản lý mua sắm công/đấu thầu cấp quốc gia nhưng hiện tại việc quản lý thông tin và quy trình của các gói thầu mua sắm công đều do Cục quản lý đấu thầu thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư phụ trách.

Chi phí khác có thể liên quan đó là chi phí liên quan đến thông tin. Chi phí này không chỉ đến từ việc thiết lập cơ sở dữ liệu mua sắm công quốc gia mà còn phải duy trì một cổng thông tin mua sắm công quốc gia trực tuyến để gia tăng sự minh bạch. Hiện nay, ở Việt Nam đã có cổng thông tin đấu thầu quốc gia (http://muasamcong.mpi.gov.vn/), báo đầu thầu (http://thongtindauthau.com.vn/) cổng thông tin quốc gia về giám sát đầu tư (http://giamsatdautuquocgia.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx) Tuy nhiên, thông tin ở các cổng này còn chưa cập nhật và hạn chế ở phần ngoại ngữ để các nhà thầu nước ngoài tiếp cận theo đúng tinh thần của GPA. Các chi phí kể trên không chỉ do chính phủ chịu mà các doanh nghiệp trong nước cũng phải chịu một phần. Để đáp ứng những yêu cầu mới của một hệ thống đề cao tính minh bạch và hiệu quả thì những công ty quen theo cách làm việc cũ sẽ phải thay đổi quy trình làm việc để đáp ứng cách làm việc mới. Đặc biệt khi đối mặt với cạnh tranh tăng lên từ các công ty nước ngoài, khả năng pháp lý của các hãng trong nước sẽ phải tăng lên, kéo theo đó là chi phí về mặt nhân sự pháp lý

+) Chi phí nâng cấp năng lực

Quá trình mua sắm chính phủ bao gồm nhiều bước: từ thu thập thông tin đến xử lý thông tin, thiết lập quy tắc cụ thể, giải quyết tranh chấp, kiểm soát chất lượng hàng hóa và dịch vụ được cung ứng. Với GPA, tính minh bạch và hiệu quả của quá trình mua sắm công được đề cao, các thành viên muốn tham gia vào (GPA) sẽ phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn cùng một lúc đặc biệt là hạn chế về nhân lực. Đặc biệt đội ngũ nhân lực này phải đáp ứng được hệ thống mua sắm công theo chuẩn quốc tế trong thời đại thương mại điện tử chiếm ưu thế và môi trường mua sắm công ngày càng được quốc tế hóa. Điều này đòi hỏi nguồn lực tài chính từ những nước muốn gia nhập GPA trong việc đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho hệ thống mua sắm công hiện đại. Xuất phát điểm càng thấp giống như trong trường hợp của Việt Nam thì chi phí càng cao. Điều này phần nào sẽ làm phân tán chi tiêu của chính phủ cho lĩnh vực khác cũng cần phải cải cách tuy nhiên sự suy giảm này là không đáng kể có thể bỏ qua.

Doanh nghiệp đương nhiên cũng phải chịu một chi phí tương tự khi tham gia vào hệ thống mua sắm công mới. Doanh nghiệp có thể tận dụng kinh nghiệm trước đó của mình kết hợp với việc tham gia một số khóa học bổ sung về đấu thầu; hoặc doanh nghiệp có thể xây dựng một đội ngũ mới liên quan đến đấu thầu đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao năng lực pháp lý trong bối cảnh hệ thống mua sắm công quốc gia vận hành theo những tiêu chuẩn quốc tế. Cũng giống như quốc gia nói chung, xuất phát điểm càng thấp thì đòi hỏi chi phí càng cao để xây dựng đội ngũ nhân lực đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

+) Các chi phí khác

Các chi phí khác chủ yếu đến từ các hãng trong nước. Khi cạnh tranh tăng lên vì việc mở cửa thị trường mua sắm công trong nước, trong ngắn hạn những công ty có khả năng cạnh tranh thấp sẽ phải chịu thua thiệt, thậm chí là phá sản dẫn tới tình trạng thất nghiệp gia tăng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp đặc biệt là ở các nước châu Phi (R.D.Anderson, 2011b) có bằng chứng cho thấy ảnh hưởng tích cực từ việc tham gia thị trường mua sắm công của các công ty nước ngoài. Những ảnh hưởng tích cực này có thể là ảnh hưởng tràn bao gồm có chuyển giao công nghệ và mở rộng việc làm, do công ty trong nước có thể học hỏi từ việc làm nhà thầu phụ cho các công ty nước ngoài, ở mức độ nào đó sẽ làm giảm chi phí mà các doanh nghiệp trong nước phải chịu.

2.3 Một số nhân tố tác động đến lợi ích và chi phí tham gia GPA của Việt Nam

2.3.1 Tư cách quan sát viên của GPA

Vào tháng 12/2012, Việt Nam đã chính thức trở thành quan sát viên của hiệp định GPA. Cương vị này giúp Việt Nam rất nhiều trong việc gia nhập GPA trong tương lai thông qua ba kênh

Thứ nhất, Việt Nam sẽ có thời gian quan sát việc thực thi GPA. Kết quả là nếu muốn tham gia Việt Nam có thể chuyển những gì mình quan sát được dần dần vào hệ thống luật quốc gia về mua sắm công một cách thích hợp, trong đó yếu tố lịch sử của hệ thống cũng cần được tính đến. Từ góc độ tổ chức cá nhân, họ cũng có khoảng thời gian chuyển đổi thích hợp để làm quen với những quy định mới về đấu thầu

Thứ hai, với tư cách quan sát viên Việt Nam có thể nhờ cậy đến sự giúp đỡ của các nước thành viên chính thức trong việc đào tạo nguồn lực con người cho hệ thống mua sắm công theo chuẩn quốc tế

Thứ ba, việc quan sát GPA có thể bao gồm cả quá trình đàm phán của những thành viên mới, qua đó Việt Nam có thể rút ra được những kinh nghiệm quý báu trong việc đàm phán gia nhập sau này

Tư cách quan sát viên sẽ làm giảm chi phí thích ứng và đàm phán của Việt Nam trong quá trình gia nhập GPA. Mặt khác, nó cũng tạo ra quãng nghỉ tạm thời để công ty Việt Nam gia tăng khả năng cạnh tranh và làm quen với các cải cách mới của hệ thống mua sắm công trong nước phù hợp với các quy tắc của GPA

2.3.2 Các vòng đàm phán về các điều khoản liên quan đến mua sắm công ở các hiệp định thương mại tự do khu vực

Việt Nam đã hoàn thành việc đàm phán TPP (hiện tại TPP chỉ cần Quốc hội các nước thành viên thông qua để có hiệu lực) và đang tiến hành đàm phán RCEP (đã tiến hành xong 14 vòng đàm phán). TPP là hiệp định thương mại xuyên lục địa bao gồm các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản trong khi đó RCEP là một kế hoạch tham vọng nhằm tập trung các nền kinh tế có mối quan hệ chiến lược lại với nhau trong một cộng đồng kinh tế Châu Á thịnh vượng. Cả hai thỏa thuận trên đều có điều khoản về mua sắm công tương tự như GPA [5]được tóm lại trong một chương

Sự tương đồng này đến tự việc trích dẫn hay sử dụng trực tiếp ngôn từ của GPA trong các hiệp định. Hơn nữa, để thúc đẩy hợp tác kinh tế sâu rộng hơn, hai hiệp định này cũng cung cấp những điều khoản cụ thể và nghiêm ngặt hơn đối với mua sắm công nhằm hướng tới tự do hóa hơn nữa thị trường mua sắm công trong khu vực và phát triển bền vững (VCCI, 2015). Một ví dụ cho việc quy định nghiêm ngặt hơn nữa đó là trong vấn đề giải quyết tranh chấp được quy định trong chương mua sắm công của TPP, TPP cung cấp một hệ thống pháp lý hai đường trong đó hãng nước ngoài được phép bỏ qua tòa án trong nước và mang thẳng vấn đề lên một tòa án nước ngoài. Tại đây họ có thể đòi hỏi những bồi thường mà do các bộ luật liên quan đến tài chính, sức khỏe, môi trường hay sử dụng đất làm hủy hoại những ưu đãi do TPP mang lại (VCCI, 2015). Lý do để chương về mua sắm công trong TPP lại giống GPA đó là thực tế phần lớn những thành viên chủ chốt trong TPP là những thành viên hiện tại của GPA[6]. Đàm phán về các điều khoản mua sắm công của hai hiệp định sẽ giúp Việt Nam thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các điều khoản của GPA (tuân thủ các điều khoản này gần như đồng nghĩa với tuân thủ các điều khoản trong GPA). Ngoài ra, thành viên chủ chốt của GPA cũng là thành viên chủ chốt trong hiệp định TPP cho thấy việc có được đồng thuận trong việc đàm phán gia nhập GPA của Việt Nam là không khó.

Trên thực tế, Việt Nam đã thực hiện những hướng dẫn về thực hành tốt trong mua sắm công theo tiêu chuẩn quốc tế như hướng dẫn của APEC, hay các hướng dẫn của WB. Dù sao, mức độ ràng buộc của những hướng dẫn này là không cao, do đó ký kết hiệp định có điều khoản về mua sắm công như TPP thật sự tạo ra động lực lớn cho Việt Nam thực thi các điều khoản này theo tiêu chuẩn quốc tế. Do đó, chi phí thích ứng và đàm phán sẽ được giảm vì Việt Nam đã tuân theo những điều khoản gần như tương tự với điều khoản của GPA cũng như đã trải qua quá trình đàm phán với những thành viên chủ chốt của GPA về vấn đề mua sắm công

2.3.3 Kế hoạch tái cấu trúc nền kinh tế liên quan đến mua sắm công và DNNN

---

[5] Chương 15 về mua sắm công trong TPP được cho là có những nguyên tắc chung giống như trong GPA, còn chương về mua sắm công trong RCEP tuy không được tiết lộ do đang trong quá trình đàm phán nhưng các chuyên gia kỳ vọng nó cũng sẽ có những nguyên tắc chung giống như GPA và được áp dụng theo một cách thức tương tự

[6] Các nước vừa là thành viên của TPP, vừa là thành viên của GPA: Mỹ, Nhật Bản, Canada, New Zealand, Xinh-ga-po

Gần đây, nền kinh tế Việt Nam đã bộc lộ nhiều hạn chê trong mô hình tăng trưởng bền vững. Để duy trì phát triển kinh tế nhằm giảm đói nghèo, chính phủ Việt Nam quyết định thực hiện kế hoạch tham vọng đó là tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế trên 3 trụ cột: đầu tư công, DNNN và thị trường tài chính. Đầu tư công tập trung vào tăng cường hiệu quả của chi tiêu chính phủ, đấu tranh chống tham nhũng lãng phí trong đó có cả mua sắm chính phủ. Bằng việc thực thi cải cách chi tiêu công theo hướng này, việc gia nhập GPA và thực thi các điều khoản mua sắm công trong các hiệp định thương mại tự do sẽ nhận được sự ủng hộ chính trị lớn bởi vì nó sẽ là công cụ để giúp chính phủ đạt được sự minh bạch và quản trị tốt cuối cùng sẽ làm tăng hiệu quả của chi tiêu công.

DNNN cũng là một đối tượng của kế hoạch cải cách. Mặc dù các DNNN là các chủ thể nhận được nhiều đối xử ưu đãi từ phía chính phủ, nhưng lại tạo ra kết quả kinh doanh nghèo nàn. Để đối phó với vấn đề này, kế hoạch sẽ tự do hóa hoạt động của DNNN theo điều kiện thị trường trong đó vai trò của cạnh tranh được đề cao. Chức năng điều tiết thị trường sẽ tách bạch khỏi chức năng kinh doanh. Để đạt được mục tiêu trên, sự kiêm soát của Nhà nước trong các DNNN sẽ được giảm bớt bằng việc Nhà nước bán bớt cổ phần, đặc biệt trong những lĩnh vực ngành nghề mà Nhà nước không cần nắm quyền chi phối thì có thể tư nhân hóa 100%. Ngoài ra hoạt động của các DNNN cần được tổ chức lại theo định hướng quản lý tập trung. Tất cả những yếu tố trên sẽ mang đến động lực mạnh mẽ cho Việt Nam đặt mua sắm của các DNNN vào danh mục liệt kê khi gia nhập GPA.

Tóm lại, kế hoạch tái cấu trúc nền kinh tế sẽ làm gia tăng tính hiệu quả của việc sử dụng ngân sách và giảm chi phí thích ứng khi Việt Nam gia nhập GPA bằng việc tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của chi tiêu chính phủ. Bên cạnh đó, kế hoạch này cũng làm tăng khả năng cạnh tranh của các DNNN, từ đó giúp các doanh nghiệp này cạnh tranh tốt hơn với DN nước ngoài thông qua cổ phần hóa, sắp xếp lại hoạt động một khi thị trường mua sắm công Việt Nam mở cửa

Rõ ràng rằng cả 3 nhân tố trên dường như sẽ làm giảm chi phí và tăng lợi ích của Việt Nam một khi Việt Nam quyết định gia nhập GPA. Trong trường hợp thiếu vắng cả 3 nhân tố trên, với tình hình hiện tại của nền kinh tế Việt Nam (đầu tư công kém hiệu quả, tỷ lệ nợ công cao, bộ máy hành chính cồng kềnh) tham gia vào các hiệp định thương mại có điều khoản về mua sắm công như GPA dự kiến vẫn tạo ra nhiều lợi ích hơn chi phí.

3 Một số khuyến nghị

Dựa trên những phân tích về lợi ích và chi phí tiềm năng ở phần trước, tác giả đưa ra một số khuyến nghị chính sách đối với hoạt động mua sắm công ở Việt Nam như sau

3.1 Thay đổi cần thiết trong hệ thống mua sắm công quốc gia

Đối với hệ thống mua sắm công quốc gia cần phải tiếp tục thực hiện những thay đổi mang tính cải cách được thực hiện trong khoảng thời gian gần đây. Những thay đổi này không nhất thiết phải thực hiện ngay lập tức; trái lại chúng có thể được chia thành nhiều giai đoạn được thực hiện qua 5 hoặc 6 năm, đó cũng là khoảng thời gian cần thiết để đàm phán gia nhập GPA

Thay đổi đầu tiên đó là gói cải cách về sự minh bạch và mức độ tin cậy của hệ thống mua sắm công. Sự minh bạch và mức độ tin cậy là mục đích tối quan trọng của bất kỳ hệ thống mua sắm công nào. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là lợi ích lớn nhất mà GPA mang lại cho các nước thành viên (R.D.Anderson, 2011b, trang 140-148). Để thực hiện được gói cải cách này cần làm một số việc sau:

- Thống nhất các văn bản liên quan. Kể từ năm 2005, để thiết lập một hệ thống mua sắm công theo mô hình hiện đại, luật đấu thầu và hàng loạt các nghị định và thông tư hướng dẫn đã được ban hành. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng thực thi những quyết định của mình liên quan đến các cơ quan thực hiện mua sắm công thuộc quyền điều hành. Do đó toàn bộ hệ thống luật này trở nên chồng chéo, phức tạp gián tiếp làm giảm tính minh bạch của toàn hệ thống. Luật đấu thầu 2013, phần nào đã giải quyết được vấn đề này. Vì thế, chúng tôi khuyến nghị Bộ Tư pháp phối hợp cùng với MPI tiếp tục đơn giản hóa và thống nhất các luật liên quan ở mọi cấp độ thành một thể thống nhất

- Thành lập cơ quan có thẩm quyền, độc lập không liên quan đến các cơ quan tiến hành mua sắm công để giải quyết các tranh chấp xuất phát từ quá trình mua sắm công/đấu thầu. Cơ quan này có thể là một nhánh của Bộ kế hoạch và đầu tư hoặc thanh tra chính phủ và có mối quan hệ mật thiết với Bộ Công an trong việc phòng chống tham nhũng. Cơ quan này phải đưa ra được một quy trình hiệu quả nhanh chóng để giải quyết vấn đề áp dụng luật. Ngoài ra VCCI, cũng có thể hướng dẫn các công ty giải quyết tranh chấp thông qua phương án trọng tại, để tránh quá tải cho hệ thống tòa án, hệ thống được đánh giá là không đủ năng lực để giải quyết các vấn đề nêu trên

- Hình thành trung tâm thông tin quốc gia về mua sắm công. Hệ thống này sẽ đóng vai trò như một cổng thông tin mua sắm công ở đó không chỉ có các thông tin về gói thầu trên phạm vi toàn quốc mà còn có các văn bản hiện hành có liên quan đến gói thầu. Hiện tại ở Việt Nam đã có Báo đấu thầu phát hành rộng rãi toàn quốc cùng với trang web trực tuyến của mình, và cổng thông tin mua sắm công quốc gia tuy nhiên hệ thống hiện nay của Việt Nam còn nhiều bất cập như không được cập nhật thường xuyên, thiếu những thông tin quan trọng để hoàn thành hồ sơ thầu và phần tiếng anh còn yếu. Ngoài ra, chức năng tra cứu cần được củng cố và mở rộng để các doanh nghiệp có thể dễ dàng tìm được thông tin. Không chỉ có nhà thầu nước ngoài mà các nhà thầu trong nước cũng gặp phải vấn đề trên khi tìm kiếm và nghiên cứu thông tin đấu thầu ở Việt Nam

- Ban hành Nghị định đặc biệt quản lý hoạt động mua sắm công có sự tham gia của các DNNN và tập đoàn kinh tế. Như đã trình bày ở trên, DNNN thường được kiểm soát bởi các bộ, nên có ưu thế lớn khi công ty con của chúng tham gia vào hoạt động đấu thầu của cơ quan thuộc chính bộ quản lý DNNN đó. Do vậy, cần thiết phải có luật riêng liên quan đến hoạt động tham gia đấu thầu và đấu thầu của các DNNN để duy trì sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường cũng như đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí

- Thúc đẩy đối thoại giữa chính phủ và doanh nghiệp và các tổ chức NGO. Trước khi tiến hành đưa ra một quyết định gì, thay vì việc lờ đi ý kiến từ doanh nghiệp, MPI nên tham vấn và trao đổi ý kiến với doanh nghiệp để có được những phản hồi hữu ích giúp xây dựng môi trường mua sắm công thân thiện. Đồng thời, trong quá trình tiến hành đấu thầu, MPI cũng cần phải thu thập thông tin liên quan đến vi phạm của cơ quan đấu thầu hay các doanh nghiệp đấu thầu từ phía NGOs và các tổ chức dân sự khác để đối phó với tham nhũng một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Mặt trận tổ quốc Việt Nam tổ chức dân sự lớn nhất Việt Nam cũng nên có thêm quyền trên thực tế để giám sát các dự án sử dụng ngân quỹ đặc biệt là dự án xây dựng cơ sở hạ tầng[7].

Thay đổi thứ hai đó là việc tập trung vào việc sửa đổi các hình thức đấu thầu sao cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Theo Nghị định 63/2014 của Chính phủ, ngưỡng để

[7] Về mặt pháp lý, Điều 26 khoản 1 Chương V của Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam có nêu rõ Đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức

tiến hành chỉ định thầu là không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu dịch vụ và 1 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp; ngưỡng của chào hàng cạnh tranh là không quá 5 tỷ đồng. Điều này gián tiếp giúp các cơ quan đấu thầu tránh khỏi việc đấu thầu công khai bằng việc chia nhỏ các gói thầu. Để phù hợp hơn với GPA và các điều khoản mua sắm chính phủ khác, luật đấu thầu nên được sửa đổi thay thế 5 hình thức đấu thầu hiện nay bằng 3 hình thức tiêu chuẩn trong GPA đó là (rộng rãi, hạn chế và chỉ định). Luật cũng có thể giữ lại hình thức mua sắm trực tiếp để tránh phải trải qua thủ tục hành chính đấu thầu kéo dài, đồng thời giảm ngưỡng áp dụng cho chỉ định thầu xuống.

Thay đổi cần thiết cuối cùng trong hệ thống mua sắm công đó là phát triển hệ thống mua sắm điện tử. Chính phủ nên bổ sung những quy định liên quan đến hoạt động mua sắm điện tử để hoàn thiện Quyết định số 1402/2016 của Thủ tướng chính phủ về Kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016 - 2025. Điều này sẽ hoàn thành hai mục tiêu. Thứ nhất là tăng tính minh bạch đồng thời hỗ trợ cho sự phát triển của khu vực IT. Thứ hai, chính phủ và các hãng sẽ tiết kiệm thời gian tiền bạc để hoàn thành các thủ tục hành chính. Ngoài ra cần phải chú ý sự tích hợp giữa hệ thống mua sắm công điện tử và cổng thông tin quốc gia về mua sắm công đã được trình bày ở trên

3.2 Thay đổi cần thiết trong hệ thống kinh tế

Tiếp theo sẽ là những khuyến nghị về thay đổi cần thiết trong hệ thống kinh tế

Đối với DNNN, một vài biện pháp có thể được thực thi để thúc đẩy tính cạnh tranh. Biện pháp đầu tiên đó là tư nhân hóa các DNNN, tính tới ảnh hưởng của doanh nghiệp này với xã hội. Chính phủ chỉ duy trì sở hữu tuyệt đối ở các DNNN đóng vai trò quan trọng trong việc phân phối phúc lợi xã hội như nước, điện trong khi đó các DNNN, Chính phủ có thể giảm tỷ lệ nắm giữ ở mức thích hợp nhằm tránh bán tài sản công một cách ồ ạt dưới giá trị. Biện pháp thứ hai đó là củng cố hoạt động quản lý vốn tại các DNNN khi các doanh nghiệp này đầu tư ngoài ngành rất nhiều. Điều này dẫn đến phân bổ nguồn vốn ngân sách kém hiệu quả gián tiếp gây nên nợ công cao. Biện pháp thứ ba đó là thay đổi cách thức trả lương sao cho thu hút được nguồn lực chất lượng cao. Nguồn nhân lực cuối cùng sẽ tạo nên sức cạnh tranh cho DNNN khi đối mặt với doanh nghiệp nước ngoài. Biện pháp thứ tư là giảm dần việc trao đặc quyền cho các DNNN, đặt họ vào áp lực cao của cạnh tranh. Bên cạnh đó, cần có biện pháp để tách riêng chức năng xã hội của các DNNNs với chức năng thị trường. Hoạt động của các DNNN theo chức năng thị trường sẽ được điều tiết bởi các bộ luật dạng như GATT cả ở trong nước và nước ngoài; trong khi đó hoạt động của các DNNN theo chức năng xã hội sẽ phải tuân theo các luật như GPA. Kết quả là lợi ích nhóm và chủ nghĩa gia đình trị ở các DNNN sẽ bị ngăn ngừa

Đối với các công ty tư nhân, để tăng tính cạnh tranh, đặc biệt là tận dụng cơ hội để trở thành nhà thầu phụ khi thị trường mua sắm công trong nước được mở cửa, một vài biện pháp sau đây có thể được thực hiện. Biện pháp đầu tiên là thực hiện các chính sách giúp đỡ doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm tới 97% tổng số doanh nghiệp trên toàn quốc, đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế; tuy nhiên lại đối mặt với sự chèn ép từ DNNN và sự vượt trội của doanh nghiệp nước ngoài. Những chính sách giúp đỡ doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể là thành lập các hiệp hội doanh nghiệp, ưu đãi trong vay vốn thương mại. Biện pháp thứ hai đó là thực thi các chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ ở những ngành mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh như chế biến thực phẩm, gia công phần mềm và vật liệu xây dựng Mục tiêu là sau khi tự do hóa

thị trường mua sắm công, các công ty Việt Nam có thể đủ năng lực dành được những hợp đồng thầu phụ từ những nhà sản xuất nước ngoài những nhà sản xuất có lợi thế về công nghệ thông tin và xây dựng. Biện pháp thứ ba đó là củng cố hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam ở các thị trường nước ngoài nhằm giúp các công ty trong nước có thể có thêm thông tin về thị trường nước ngoài nói chung và thị trường mua sắm công nước ngoài nói riêng

Tiếp theo chúng ta xem xét sự thay đổi cần thiết ở hệ thống đầu tư công. Việc mở rộng đầu tư công theo nhu cầu phát triển xã hội dẫn tới những khó khăn trong việc quản lý, từ đó đầu tư công không thực sự tạo ra nền tảng cơ bản cho phát triển kinh tế bền vững. Để cải thiện đầu tư công kém hiệu quả cũng như tạo động lực mạnh mẽ cho Việt Nam tận dụng những cơ hội được tạo ra bởi GPA, chính sách đầu tư công tập trung cần được kích hoạt. Chính sách đầu tư tập trung phải đảm bảo được ba điều kiện. Thứ nhất đó là lĩnh vực được chọn đầu tư phải có khả năng tạo ra sự thu hút FDI trong tương lai; nó có thể là giáo dục, công nghệ và giao thông vận tải. Thứ hai, đó là đảm bảo đầu tư hiệu quả ở các ngành công nghiệp hỗ trợ như trong giao thông vận tải là vật liệu xây dựng, máy móc để giúp chúng ta có được hợp đồng thầu phụ. Thứ ba đó là trực tiếp dẫn chuyển nguồn vốn khác ngoài vốn Nhà nước như ODA tới những dự án liên quan để đáp ứng nhu cầu vốn thực tế. Kết quả từ sự đầu tư kể trên nhất định sẽ đáp ứng rất nhanh sự thay đổi pháp lý khi Việt Nam gia nhập GPA và các hiệp định đa phương khác có điều khoản về mua sắm công. Ngoài ra, Việt Nam có thể mở rộng phạm vi của hình thức đầu tư đối tác công tư trong đầu tư công, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng. Bên cạnh việc tiết kiệm tiền cho ngân sách, thặng dư ngân sách nếu có từ các biện pháp trên có thể được phân bổ lại một cách hiệu quả. Nói một cách khác, sự tham gia tích cực hơn của tư nhân vào đầu tư công cuối cùng sẽ làm tăng hiệu quả đáng kể cho toàn hệ thống.

Tài liệu tham khảo

1. Hiệp định WTO về mua sắm chính phủ sửa đổi 2012, xem chi tiết tại *https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/rev-gpr-94_01_e.htm*

2. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, xem chi tiết tại *http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=28825*

3. Nghị định 63/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn thầu, xem chi tiết tại *http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=29109*

4. Quyết định 1402/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016-2025, xem chi tiết tại *http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=43635*

5. R.D.Anderson và các cộng sự, 2011, "*Assessing the value of future accessions to the WTO agreement on government procurement (GPA): some new data sources, provisional estimates, and an evaluative framework for individual WTO members considering accession*", Working paper ERSD-2011-15

6. R.D.Anderson và S.Arrosmith, 2011, *The WTO regime on Government Procurement: challenge and reform, Cambridge: Cambridge University Press*

7. Stephanus Pertrus, 2009, Public procurement law: a comparative analysis, University of South Africa

8. Vũ Văn Phúc, 2012, Năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp Việt Nam sau 5 năm gia nhập WTO, NXB Chính trị Quốc gia

9. Vũ Văn Phúc, 2012, Đổi mới mô hình tăng trưởng cơ cấu lại nền kinh tế, NXB Chính trị Quốc gia

10. VCCI, Văn kiện hiệp định TPP và các tóm tắt, chi tiết xem tại http://trungtamwto.vn/tpp/van-kien-hiep-dinh-tpp-va-cac-tom-tat

11. UNCTAD, 2013, Note of the course on Dispute Settlement in International Trade, Investment and Intellectual Property: module on government procurement, Geneva: United Nations